

Số: 1364 /QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2012-2020

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2012-2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm và nguyên tắc phát triển mạng lưới

a) Phát triển cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí là thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đến những người nghèo khó nhất trong xã hội; góp phần thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; góp phần ổn định xã hội và bảo đảm an sinh xã hội.

b) Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc phát triển mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia đầu tư phát triển mạng lưới các cơ sở. Đồng thời ban hành cơ chế để gia đình đối tượng có điều kiện kinh tế đóng góp phí chăm sóc và phục hồi chức năng tại cơ sở.

c) Quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí tại mỗi tỉnh, thành phố phù hợp với quy mô, phân bố của đối tượng, đảm bảo các đối tượng đều có cơ hội được chăm sóc, chữa trị, phục hồi và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đến năm 2020 của cả nước và mỗi tỉnh, thành phố.

d) Đổi mới cơ chế và phương thức quản lý, vận hành cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí theo phương châm cơ sở hỗ trợ chăm sóc, phục hồi chức năng cho đối tượng tại gia đình, cộng đồng là chính, trường hợp cấp tính mới đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội; tổ chức cung cấp dịch vụ trị liệu tâm lý tại cơ sở kết hợp với tổ chức lao động trị liệu và phục hồi sinh thái cho đối tượng.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao chất lượng chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực; hướng tới mục tiêu công bằng và phát triển bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- 90% số người tâm thần có hành vi nguy hiểm đến gia đình, cộng đồng và số người tâm thần lang thang được chăm sóc và phục hồi chức năng luân phiên tại các cơ sở bảo trợ xã hội;

- 90% số người rối nhiễu tâm trí có nguy cơ cao bị tâm thần, người tâm thần được tư vấn, trị liệu tâm lý và sử dụng các dịch vụ công tác xã hội khác.

3. Nội dung quy hoạch

3.1. Quy hoạch mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần đến năm 2020 đạt công suất phục vụ là 20.000 đối tượng, cụ thể như sau:

a) Quy hoạch 50 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí của tỉnh, thành phố, gồm:

- Nâng cấp, mở rộng 26 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, trong đó 01 cơ sở có quy mô 200-300 đối tượng; 25 cơ sở có quy mô 300-500 đối tượng mỗi cơ sở;

- Xây dựng 24 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng

cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, trong đó: 12 cơ sở có quy mô 200-300 đối tượng mỗi cơ sở; 12 cơ sở có quy mô 300-500 đối tượng mỗi cơ sở;

b) Quy hoạch 36 cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp có bộ phận phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí.

(Phụ lục kèm theo)

3.2. Phân bố mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí

Phân bố mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí theo 6 vùng kinh tế như sau: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc 9 cơ sở; Vùng đồng bằng sông Hồng 11 cơ sở; Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung 14 cơ sở; Vùng Tây Nguyên 4 cơ sở; Vùng Đông Nam Bộ 8 cơ sở; Vùng đồng bằng Sông Cửu Long 10 cơ sở

3.3. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho đối tượng đạt tiêu chuẩn chăm sóc theo quy định tại Thông tư số 04/2011/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 02 năm 2011 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội; từng bước hiện đại hoá bảo đảm có các phân khu chức năng, các hạng mục công trình đáp ứng hoạt động chăm sóc, phục hồi chức năng, trị liệu tâm lý và lao động trị liệu toàn diện.

4. Giải pháp

4.1. Nhóm giải pháp đất đai

a) Các tỉnh, thành phố chủ động bố trí đất đai, cơ sở hạ tầng để nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí.

b) Diện tích đất tối thiểu của các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí như sau:

- Diện tích đất tự nhiên: Tối thiểu 100m²/đối tượng ở khu vực nông thôn, 120m²/ đối tượng ở khu vực miền núi, 80 m²/đối tượng ở khu vực thành thị;

- Diện tích phòng ở của đối tượng: Tối thiểu 8 m²/đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở tối thiểu 10 m²/đối tượng. Phòng ở được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của đối tượng;

- Cơ sở vật chất tối thiểu có khu nhà ở, khu nhà bếp, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu sản xuất và lao động trị liệu;

- Các công trình, trang thiết bị bảo đảm cho đối tượng tiếp cận và sử dụng thuận tiện.

4.2. Nhóm giải pháp về trang thiết bị cho các cơ sở bảo trợ xã hội

Hỗ trợ cơ sở khu vực và của tỉnh, thành phố về trang thiết bị và xe chuyên dụng để nâng cao năng lực chăm sóc và phục hồi chức năng cho đối tượng; ưu tiên đầu tư mua sắm trang thiết bị thiết yếu để phục hồi chức năng cho đối tượng.

4.3. Nhóm giải pháp về tổ chức các cơ sở bảo trợ xã hội

Các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí có đề án tổ chức và hoạt động theo hướng hỗ trợ chăm sóc và phục hồi chức năng tại gia đình; tổ chức phục hồi chức năng luân phiên, cung cấp dịch vụ công tác xã hội đối với người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí.

4.4. Nhóm giải pháp về quản lý

a) Nghiên cứu, trình Chính phủ điều chỉnh chế độ trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại gia đình, cộng đồng phù hợp để nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Giải quyết chính sách trợ giúp cho các đối tượng tâm thần tại cộng đồng, không bỏ sót đối tượng. Trường hợp đối tượng mắc bệnh tâm thần mà chưa được điều trị tại các cơ sở y tế thì cơ sở tổ chức đội ngũ công tác lưu động đến tư vấn, trị liệu, lập kế hoạch trợ giúp cho đối tượng tại cộng đồng.

c) Phối hợp với ngành Y tế thực hiện khám, chữa bệnh cho các đối tượng đang được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở khu vực thuộc ngành Lao động-Thương binh và Xã hội quản lý.

d) Huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ để cải thiện nâng cao đời sống vật chất, sức khỏe tinh thần cho các đối tượng.

đ) Hàng năm, ngành Lao động-Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn cho cán bộ, nhân viên hoặc công tác viên ở xã, phường, thị trấn về công tác chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí ở cộng đồng.

4.5. Nhóm giải pháp về chuyên môn

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình trợ giúp xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng.

b) Tổ chức nghiên cứu, học tập kinh nghiệm ở một số quốc gia trên thế giới về chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng.

c) Nghiên cứu xây dựng, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần,

người rối nhiễu trí.

4.6. *Đội ngũ cán bộ, nhân viên của cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng*

a) Phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên chăm sóc và phục hồi chức năng cho đối tượng đủ về số lượng bảo đảm chất lượng, có phẩm chất đạo đức (công tác xã hội, tâm lý, y tế).

b) Thực hiện chế độ định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên chăm sóc và phục hồi chức năng cho đối tượng.

c) Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút cán bộ, nhân viên công tác xã hội; y bác sỹ chuyên ngành tâm thần, tâm lý vào làm việc tại các cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng cho đối tượng.

4.7. *Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, tài chính*

a) Tăng cường đầu tư cho mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, gồm: vốn sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển và thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án khác.

b) Thực hiện cơ chế thu phí chăm sóc và phục hồi chức năng, nhà nước hỗ trợ sinh hoạt phí cho đối tượng thuộc hộ gia đình nghèo.

c) Thực hiện xã hội hóa, huy động sự đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí.

d) Tăng cường vai trò chủ động của cơ sở trong việc tạo nguồn thu như tổ chức lao động trị liệu; tăng gia sản xuất, bảo đảm tự cung, tự cấp rau xanh, thực phẩm tại cơ sở.

5. Lộ trình thực hiện quy hoạch

5.1. *Giai đoạn 2012-2015*

a) Nâng cấp, mở rộng và nâng công suất chăm sóc đối với 15 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí của tỉnh, thành phố.

b) Xây dựng 5 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí của tỉnh, thành phố.

c) Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng cho tối thiểu 40% cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí.

d) Sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện.

5.2. Giai đoạn 2016-2020

a) Nâng cấp, mở rộng và nâng công suất chăm sóc đối với 11 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí của tỉnh, thành phố.

b) Xây dựng 19 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí của tỉnh, thành phố.

c) Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng cho 50% cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần.

d) Tổng kết đánh giá thực hiện Đề án.

6. Tổ chức thực hiện quy hoạch

6.1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các công việc sau

a) Quyết định phê duyệt Đề án tổ chức cung cấp dịch vụ của cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng hoặc xây mới trên cơ sở thống nhất ý kiến với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

b) Hàng năm huy động các nguồn lực và ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện quy hoạch.

c) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

6.2. Giao Cục Bảo trợ xã hội

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ hướng dẫn các địa phương xác định quy mô; mức đầu tư, tổ chức xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ xây dựng dự toán ngân sách hàng năm chi cho Đề án; có kế hoạch cụ thể để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính đảm bảo thực hiện quy hoạch.

c) Căn cứ vào các nội dung phê duyệt tại Quyết định này, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Bộ theo quy định.

d) Là đầu mối phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định danh mục và thứ tự ưu tiên đầu tư cơ sở hàng năm trình Lãnh đạo Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quyết định.

6.3. Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính: có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch dự toán nguồn vốn và làm việc với các Bộ, ngành liên quan; phối hợp với Cục Bảo trợ xã hội hướng dẫn, kiểm tra giám sát thực hiện Đề án.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, BTXH, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

ĐÃ KÝ

Phạm Thị Hải Chuyên

PHỤ LỤC

**QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ CHĂM SÓC VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO NGƯỜI TÂM THẦN,
NGƯỜI RỐI NHIỀU TÂM TRÍ DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2012-2020**

**(Kèm theo Quyết định số 1364 /QĐ-LĐTĐ ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng
Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)**

STT	Tỉnh, thành phố	Tổng số đối tượng tâm thần	Hiện trạng			Quy hoạch		Lộ trình	Ghi chú
			Tên cơ sở bảo trợ xã hội	Loại hình	Số đối tượng	Nâng cấp mở rộng	Xây mới		
						Quy mô dự kiến	Quy mô dự kiến		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số		211.069	-		9.582				
I	Trung du và miền núi phía Bắc	29.645							
1	Điện Biên	488							
2	Lai Châu	642							
3	Sơn La	1.463	Trung tâm Điều trị và PHCN NTT	Chuyên biệt	90	300-500		2016- 2020	
4	Hòa Bình	1.679	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	23				
5	Hà Giang	2.467					200-300	2016- 2020	
6	Cao Bằng	1.400	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	4				
7	Bắc Kạn	991	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	4				

8	Tuyên Quang	1.671	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	15				
9	Lào Cai	1.772							
10	Yên Bái	2.279					200-300	2016-2020	
11	Thái Nguyên	3.039	Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng tâm thần	Chuyên biệt	172	300-500		2016-2020	
12	Lạng Sơn	1.392	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	5				
13	Bắc Giang	5.349	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	26		300-500	2013-2015	
14	Phú Thọ	4.713	Trung tâm bảo trợ xã hội	Chuyên biệt	37	300-500		2013-2015	
II	Đồng bằng Sông Hồng	51.980							
15	Hà Nội	8.584	Khu điều dưỡng tâm thần TP Hà Nội	Chuyên biệt	554	300-500		2016-2020	
			Trung tâm BTXH II	Chuyên biệt	135	300-500		2016-2020	
16	Vĩnh Phúc	3.400	Trung tâm nuôi dưỡng NTT	Chuyên biệt	270	300-500		2016-2020	
17	Bắc Ninh	2.803					300-500	2016-2020	
18	Hải Dương	5.937	Trung tâm nuôi dưỡng NTT	Chuyên biệt	250	300-500		2013-2015	
19	Hải Phòng	2.196	Trung tâm điều dưỡng NTT	Chuyên biệt	270	300-500		2013-2015	
20	Hưng Yên	5.235	Trung tâm điều dưỡng người tâm thần kinh	Chuyên biệt	171	300-500		2013-2015	
21	Thái Bình	5.314	Trung tâm Điều dưỡng NTT	Chuyên biệt	205	300-500		2013-2015	
22	Hà Nam	6.624	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	20		300-500	2016-2020	

23	Nam Định	6.448	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	49		300-500	2016-2020	
24	Ninh Bình	3.033	Trung tâm phục hồi chức năng tâm thần	Chuyên biệt	240	300-500		2013-2015	
25	Quảng Ninh	2.406	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	23		200-300	2016-2020	
III	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	61.626							
26	Thanh Hóa	17.500	Trung tâm BTXH tỉnh Thanh Hóa	Chuyên biệt	553	300-500		2016-2020	
			Xây dựng trung tâm mới				300-500	2013-2015	
27	Nghệ An	8.033	Trung tâm BTXH	Chuyên biệt	170	300-500		2013-2015	
28	Hà Tĩnh	1.112	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	5				
29	Quảng Bình	2.274	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	5		300-500	2016-2020	
30	Quảng Trị	869							
31	Thừa Thiên Huế	3.802	Trung tâm BTXH	Chuyên biệt	291	300-500		2013-2015	
32	Đà Nẵng	3.420	Trung tâm điều dưỡng người tâm thần	Chuyên biệt	393	300-500		2013-2015	
			Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	52				
33	Quảng Nam	5.319	Trung tâm nuôi dưỡng NTT	Chuyên biệt	100	300-500		2013-2015	
34	Quảng Ngãi	5.717	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	70		300-500	2013-2015	
35	Bình Định	4.135	Trung tâm nuôi dưỡng NTT	Chuyên biệt	505	300-500		2016-2020	
36	Phú Yên	2.487	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	15		200-300	2016-2020	

37	Khánh Hòa	2.515	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	87		200-300	2016-2020	
38	Ninh Thuận	2.379	Trung tâm Bảo trợ xã hội	Cơ sở tổng hợp	26	300-500		2013-2015	
39	Bình Thuận	2.064	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	76				
IV	Tây Nguyên	9.525							
40	KonTum	911	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	4				
41	Gia Lai	1.908	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	10		200-300	2013-2015	Tỉnh có đồng người Gia Rai
42	Đắk Lắk	2.580	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	130		300-500	2013-2015	
43	Đắk Nông	1.897							
44	Lâm Đồng	2.229	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	26		200-300	2016-2020	
V	Đông Nam Bộ	21.874							
45	Bình Phước	1.977	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	2				
46	Tây Ninh	2.394	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	3		200-300	2016-2020	
47	Bình Dương	1.304	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	46				
48	Đồng Nai	3.923	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	202		300-500	2016-2020	
49	Vũng Tàu	2.633	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	341		300-500	2016-2020	
50	Hồ Chí Minh	9.643	Trung tâm điều dưỡng tâm thần Thủ Đức HCM	Chuyên biệt	1211	300-500		2013-2015	
			Trung tâm điều dưỡng tâm thần Tân Định HCM	Chuyên biệt	1200	300-500		2016-2020	

			Trung tâm BTXH Bình Đức	Chuyên biệt	233	300-500		2016-2020	
VI	Đồng bằng Sông Cửu Long	36.419							
51	Long An	3.968	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	167	300-500		2013-2015	
52	Tiền Giang	4.445	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	165		300-500	2016-2020	
53	Bến Tre	3.851	Trung tâm Bảo trợ NTT	Chuyên biệt	123	300-500		2013-2015	
54	Trà Vinh	2.066	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	9				
55	Vĩnh Long	4.395	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	18		300-500	2016-2020	
56	Đồng Tháp	2.729	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	10		200-300	2016-2020	
57	An Giang	3.225	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	10		200-300	2016-2020	
58	Kiên Giang	2.176					200-300	2016-2020	
59	Cần Thơ	2.639	Trung tâm BTXH	Chuyên biệt	389	300-500		2013-2015	
60	Hậu Giang	2.384					200-300	2016-2020	
61	Sóc Trăng	1.024	Trung tâm BTXH	Cơ sở tổng hợp	18				
62	Bạc Liêu	1.978							
63	Cà Mau	1.539	Trung tâm nuôi dưỡng NTT	Chuyên biệt	128	200-300		2016-2020	
VII	Trung tâm thuộc Bộ LĐTBXH								
1			Trung tâm Điều dưỡng Phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì	Chuyên biệt	131	300-500		2016-2020	

2			Trung tâm Phục hồi chức năng trẻ tàn tật Thụy An	Cơ sở tổng hợp	20				
3			Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Đà Nẵng	Cơ sở tổng hợp	15				Khoa phục hồi chức năng cho người tâm thần và người RNTT
4			Trung tâm Phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ tàn tật 38 Tú Xương, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ sở tổng hợp	60				

Tóm tắt

1. Nâng cấp mở rộng cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần: 26 cơ sở

a) Giai đoạn 2013-2015: 15 cơ sở;

b) Giai đoạn 2016-2020: 11 cơ sở.

2. Xây mới cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần: 24 cơ sở

a) Giai đoạn 2013-2015: 5 cơ sở;

b) Giai đoạn 2016-2020: 19 cơ sở.

3. Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp có bộ phận chức năng chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí: 36 cơ sở

